TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 77/2018/QĐST-HNGĐ	*Thị xã Hồng Ngự, ngày 13 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 41/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018, giữa:

- **Nguyên đơn**: Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1970
- **Bị đơn**: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: khóm S, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1978;
2. Ông Trần Văn L, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: khóm 3, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: khóm 1, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Bà Trần Thị N, sinh năm 1967.

Địa chỉ: khóm S, phường An L, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Ngọc T và bà Nguyễn Thị

H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Lê Ngọc T và bà Nguyễn Thị H tự nguyện thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị Như T, sinh năm 1994 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết .

- Về nợ chung:

+ Ông Lê Ngọc T, bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T và ông Trần Văn L tự nguyện thỏa thuận như sau: Vợ chồng bà Lê Thị T và ông Trần Văn L yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số nợ 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng). Bà H tự nguyện thống nhất trả số nợ 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) cho vợ chồng bà T và ông L. Ông T không có nghĩa vụ trả số tiền này cho bà T và ông L.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T, bà Trần Thị N không yêu cầu vợ chồng ông T và bà H trả nợ trong vụ kiện ngày nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hánh án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Ngọc T và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 75.000đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng). Nhưng ông T tự nguyện chịu thay cho bà H toàn bộ số tiền án phí trên. Vậy ông Lê Ngọc T chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 02556 ngày 14 tháng 3 năm 2018. Vậy ông Lê Ngọc T được nhận lại 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự.

Bà Lê Thị T và bà Nguyễn Thị H tự nguyện thỏa thuận bà H chịu 750.000đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Vậy bà Lê Thị T và ông Trần Văn L được nhận lại số tiền 750.000đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 02622 ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TX.Hồng Ngự;
- UBND phường An Lạc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Mỹ Dung